TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 03/5/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Bà Trần Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2023/TLST – DS ngày 31 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS, ngày 16/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A). Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T – Giám đốc phòng G. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Hoàng Quang V, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2023 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/10/2021 Ngân hàng N chi nhánh huyện B phòng G ký kết hợp đồng tín dụng số 5606LAV202107825 với bà Nguyễn Thị T1. Theo đó, Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả là 24 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn 150%/năm, lãi chậm trả 10%/năm. Ngoài ra, còn có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất theo định kỳ, định kỳ trả lãi 06 tháng/lần. Để đảm bảo khoản vay nêu trên vợ chồng ông V bà T1 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 591.4m^2, tại thôn F, xã B, huyện B, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 13, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD đất) số DC 094480 vào sổ cấp số CH 04828 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 07/7/2021, theo Hợp đồng thế chấp số 202100477.

Ngày 06/5/2022, Ngân hàng N chi nhánh huyện B ký Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn) số 5606LAV-20223608 với ông Hoàng Quang V, theo đó Ngân hàng cho ông V cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng. Thỏa thuận thời hạn trả 24 tháng, trả lãi theo 06 tháng 01 lần; Thỏa thuận lãi suất là 10.3%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất biến động của Ngân hàng N1, lãi suất quá hạn là 15.45%, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Ngoài ra, có sự điều chỉnh mức lãi suất theo định kỳ. Mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi hộ gia đình. Để đảm bảo khoản vay này ông V, bà T1 đưa Ngân hàng giữ hộ Giấy CNQSD đất số BN 386579 vào sổ cấp số CH 00321 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 29/5/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân theo đúng quy định. Tuy nhiên, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Các khoản vay nêu trên là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc đã vay, lãi suất khoản vay thứ nhất là 231.300.000 đồng, tổng gốc và lãi của khoản thứ hai là 174.650.000 đồng. Ngoài ra được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp và quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xin vắng mặt nhưng qua nội dung đơn xin vắng mặt trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả gốc và lãi theo bản chiết tính.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng, do khó khăn nên không trả đúng hẹn, nay xin Ngân hàng tạo điều kiện cho trả dần. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc còn lại và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện ngày 01/10/2021, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202107825; Ngày 06/5/2022, vay số tiền 200.000.000 đồng theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 5606LAV-20223608. Trong đó thời hạn vay đều là 24 tháng kể từ ngày vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên: Bị đơn đã được nguyên đơn giải ngân theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn xác nhận vi phạm nghĩa vụ, tính đến hết thời hạn theo hợp đồng tín dụng thì vẫn không thanh toán được khoản tiền gốc nào, nguyên nhân là do hoàn cảnh khó khăn. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết và xác định là khoản nợ chung của vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc trả các số tiền gốc nêu trên.

[1.2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Căn cứ hợp đồng tín dụng và sổ vay vốn các bên đã ký kết thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí. Bị đơn xác định từ lâu không thanh toán được tiền lãi cho nguyên đơn. Căn cứ bản chiết tính của phía nguyên đơn thể hiện bị đơn vi phạm không thanh toán tiền lãi từ tháng 4/2022 cho đến nay, theo bản chiết tính ngày 03/5/2024 thể hiện như sau:

Tiền lãi khoản vay 150.000.000 đồng ngày 01/10/2021 gồm: Tiền lãi trong hạn 25.216.518 đồng, lãi phạt chậm trả 2.451.260 đồng, lãi quá hạn sau khi xử lý rủi ro 7.056.164 đồng, lãi phạt trên số tiền gốc trước khi xử lý rủi ro 2.119.904 đồng, tổng cộng các khoản lãi là 40.371.928 đồng.

Tiền lãi khoản vay 200.000.000 đồng, ngày 06/5/2022 gồm: Tiền lãi trong hạn 33.332.055 đồng, lãi phạt chậm trả 3.210.788 đồng, lãi quá hạn sau khi xử lý rủi ro 9.221.918 đồng, lãi phạt trên số tiền gốc trước khi xử lý rủi ro 4.610.959 đồng, tổng cộng các khoản lãi là 50.375.720 đồng.

Xét thấy lãi suất phù hợp với quy định pháp luật về Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn trả theo yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc chưa thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là phù hợp.

[1.3] Về yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp.

Hội đồng xét xử thấy: Các đương sự thừa nhận để đảm bảo khoản vay thì bị đơn đã dùng quyền sử dụng đất như hiện nay nguyên đơn yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp để thế chấp cho khoản vay. Việc thế chấp giữa các bên có lập hợp đồng và được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực, số hợp đồng 488, quyển số 01/2021-SCT-HĐ-GD, ngày 29/9/2021. Theo quy định tại Điều 4 của các hợp đồng

thế chấp đã lập nêu trên thì phía Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp trong các trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Ngân hàng và các trường hợp khác theo quy định; phía Ngân hàng được quyền bán tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp theo quy định, v.v…

Như vậy, việc thế chấp tài sản của các bên là đúng quy định pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã chấp chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

[2]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng của vụ án là 1.500.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn hoàn trả lại.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc vợ chồng ông Hoàng Quang V bà Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng N số tiền, gồm:

Số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202107825, ngày 01/10/2021 là 150.000.000 đồng và 40.371.000 đồng lãi suất, tổng cộng số tiền gốc và lãi buộc phải trả là 190.371.928 đồng.

Số tiền vay gốc theo Sổ vay vốn số 5606LAV202203608 ngày 06/5/2022 là 200.000.000 đồng và 50.375.720 đồng lãi suất, tổng cộng số tiền gốc và lãi buộc phải trả là 250.375.720 đồng.

Tổng cộng các khoản buộc phải trả là 440.747.648 đồng, làm tròn là 440.747.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày 04/5/2024, vợ chồng ông Hoàng Quang V, bà Nguyễn Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 606LAV202107825 ngày 01/10/2021 và Sổ vay vốn số 5606LAV202203608 ngày 06/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N (A) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp, gồm: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 13, diện tích 591.4m^2. Địa chỉ: Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; Giấy CNQSD đất số DC 094480, vào sổ cấp số CH 04828 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 07/7/2021 cho ông Hoàng Quang V cùng vợ là bà Nguyễn Thị T1.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì vợ chồng ông Hoàng Quang V, bà Nguyễn Thị T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi trả hết khoản vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Hoàng Quang V bà Nguyễn Thị T1 hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) số tiền 1.500.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Hoàng Quang V bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới phải chịu 22.037.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 11.119.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001238 ngày 10/10/2023.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình